

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2018/DS-PT

Ngày: 14/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3465/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

2. Bị đơn: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: Thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Như H- chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: Đường A, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn N, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;

- Anh Đỗ Văn N và chị Đỗ Thị T; đều trú tại: Thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Văn N: Ông Nguyễn Đắc T- Luật sư Công ty luật TNHH Minh Thư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 3, số 281 phố Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội;

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chi nhánh huyện Y, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: Xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

- Anh Phan Văn V (chồng chị M); trú tại: Thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền của anh V: Chị Nguyễn Thị M;

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N:

+ Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phan Thị D (bố mẹ anh T);

+ Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ chị N);

+ Cháu Nguyễn Nam T, cháu Nguyễn Thị Phương A, cháu Nguyễn Nam T1 (là các con của anh T và chị N). Người đại diện hợp pháp cho cháu Phương A và cháu Tiến là cháu Nguyễn Nam T;

Đều trú tại: Thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 08/2/2017 và lời khai của chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/12/2011 chị Nguyễn Thị M ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 33/HĐMB với các nội dung chính như sau:

- Tổ chức bán đấu giá: Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên (sau đây viết tắt là: Trung tâm DVBDG tài sản).

- Người có tài sản bán đấu giá: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y (sau đây viết tắt là Chi cục THADS huyện Y).

- Người mua được tài sản: Nguyễn Thị M

- Tài sản bán đấu giá là: Thửa đất có diện tích 650m² tại thửa số 04, tờ bản đồ số 14 thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên đứng tên anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị T. Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ và cây cối trên đất; 01 nhà xưởng và dây chuyền sản xuất túi ni lon; 01 xe ô tô SUZUKI, BKS 29N-9171.

- Giá bán tài sản: 1.489.000.000 đồng.

- Thời hạn thanh toán: Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày phiên bán đấu giá kết thúc.

- Thời hạn giao tài sản: Trong khoảng thời gian 10 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền mua tài sản trúng đấu giá.

- Địa điểm giao tài sản: Q, M, Y, Hưng Yên.

- Trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ dân sự: Nếu vi phạm hợp đồng mua bán, các bên sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2011 chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ 1.489.000.000 đồng tiền mua tài sản bán đấu giá (BL 164).

Theo thỏa thuận thì Chi cục THADS huyện Y phải có trách nhiệm giao tài sản cho chị M chậm nhất là ngày 29/11/2011. Tuy nhiên, từ đó đến khi khởi kiện đã hơn 5 năm nhưng chị M chưa nhận được tài sản của mình. Do đó, chị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 33/HĐMB ngày 19/12/2011 giữa chị Nguyễn Thị M và Chi cục THADS huyện Y.

2. Buộc Chi cục THADS huyện Y trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 1.489.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền mà chị M đã nộp để mua tài sản trúng đấu giá, theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ giao tài sản đến nay.

Chi cục THADS huyện Y có ý kiến, quan điểm như sau:

Thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 09/2010/QĐST-DS ngày 04/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Y và Quyết định thi hành án số 183/QĐ-CCTHA ngày 07/6/2010 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện Y đối với:

- Người được thi hành án: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

- Người phải thi hành án: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978

Đều trú tại: Q, M, Y, Hưng Yên.

Các khoản phải thi hành án: Anh Nguyễn Văn N phải trả cho chị Nguyễn Thị N 555.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y cũng ra quyết định thi hành án chủ động đối với khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm anh N phải nộp là 6.550.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Quá trình tổ chức thi hành các quyết định trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y đã tiến hành các bước theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về thi hành án. Ngày 10/9/2010 Chấp hành viên ra Quyết định kê biên tài sản số 05/QĐ-THA. Ngày 07/10/2010 Chi cục THADS huyện Y ký hợp đồng ủy quyền cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên, bán đấu giá các tài sản kê biên theo quy định.

Ngày 18/4/2011 Chấp hành viên ra quyết định giải tỏa kê biên, số 05/QĐ-THA ngày 10/9/2010 và thông báo cho anh N chị Thanh để giải quyết về tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2011 Chấp hành viên ra Quyết định cưỡng chế kê biên số 04/QĐ-THA và tổ chức cưỡng chế kê biên tài sản gồm: 01 mảnh đất có diện tích 650m² tại thửa số 04, tờ bản đồ số 14 thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 nhà xưởng và cây cối trên đất; 01 dây chuyền sản xuất túi ni lon; 01 xe ô tô SUZUKI, BKS 29N-9171.

Ngày 19/12/2011 Trung tâm DVBDGTS tỉnh Hưng Yên đã tổ chức bán đấu giá thành công các tài sản kê biên, với mức giá là 1.489.000.000 đồng. Người trúng đấu giá là chị Nguyễn Thị M. Cùng ngày chị M đã ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 33/HĐMB với Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên và chị M đã nộp đủ tiền mua tài sản. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản kê biên, Chấp hành viên đã phân phối theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự cụ thể như sau:

- Chi phí bán đấu giá là: 20.678.000 đồng;
- Phí thẩm định tài sản: 11.000.000 đồng;
- Trả Ngân hàng NN&PTNT huyện Y: 301.879.500 đồng;
- Nộp vào NSNN số tiền án phí anh N phải chịu: 6.550.000 đồng;
- Chi phí cưỡng chế là: 2.290.000 đồng;
- Trả cho người được thi hành án (chị N): 555.000.000 đồng tiền gốc và 8.381.417 đồng tiền lãi suất.

Tổng các khoản trên là: 905.778.917 đồng.

Số tiền còn lại là 583.221.416 đồng để trả cho chị Đỗ Thị T (vợ anh N) nhưng do chị Thanh không nhận, nên cơ quan THA đã gửi số tiền trên vào Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Hiện tại số tiền trên đang được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hưng Yên theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/HĐTG ngày 07/5/2013 (BL104).

Chi cục THADS huyện Y đã có kế hoạch cưỡng chế giao tài sản cho chị M vào tháng 5/2012. Tuy nhiên, ngày 15/5/2012 TAND tỉnh Hưng Yên có Công văn số 18/CV-TA yêu cầu hoãn thi hành Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự. Ngày 16/8/2012 Chánh án TAND tỉnh Hưng Yên có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm và yêu cầu tạm đình chỉ thi hành án.

Ngày 22/8/2010, Chi cục THADS huyện Y có Báo cáo số 442/BC-CCTHA gửi TAND tỉnh Hưng Yên về kết quả thi hành án và các khoản tiền đã chi trả theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2012, TAND tỉnh Hưng Yên ra Quyết định giám đốc thẩm số 07/2012/GĐT hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2010/DSST ngày 04/6/2010 của TAND huyện Y, giao cho TAND huyện Y giải quyết lại vụ án theo đúng pháp luật.

Ngày 10/7/2013, TAND huyện Y ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 08/2013/QĐST-DS nhưng không đề cập đến kết quả thi hành án đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2010/DSST ngày 04/6/2010 của TAND huyện Y.

Sau khi TAND huyện Y ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N và bị đơn là anh Nguyễn Văn N, việc tổ chức cưỡng chế thi hành án giao tài sản cho chị M gặp nhiều vấn đề vướng mắc. Chi cục THADS huyện Y đã có nhiều văn bản xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên, tổ chức nhiều cuộc họp để tháo gỡ vướng mắc trong việc cưỡng chế giao tài sản trúng đấu giá cho chị M nhưng còn có ý kiến cho rằng, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2010/DSST ngày 04/6/2010 của TAND huyện Y đã bị hủy nên không còn căn cứ để tổ chức thi hành án. Vì vậy, việc tổ chức cưỡng chế giao tài sản trúng đấu giá cho chị M đến nay chưa thực hiện được.

Chi cục THADS huyện Y vẫn tiếp tục tổ chức đơn đốc thi hành án để giao tài sản cho chị M theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị M có đơn khởi kiện đề nghị hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá nên quan điểm của Chi cục THADS huyện Y Như sau:

+ Chi cục THADS huyện Y không phải là bị đơn trong vụ án, mà chỉ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bởi lẽ, Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 33/HĐ-MB ngày 19/12/2011 được ký kết giữa chị Nguyễn Thị M với Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên, chứ không ký kết với Chi cục THADS huyện Y.

+ Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đối với các khoản tiền mà Chi cục THADS huyện Y đã thanh toán từ khoản tiền bán đấu giá tài sản theo Quyết

định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2010/DSST ngày 04/6/2010 của TAND huyện Y như giải trình ở trên.

+ Đề nghị đưa Tòa án nhân dân huyện Y tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan và xem xét lỗi trong việc ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 08/2013/QĐST-DS ngày 10/7/2013 nhưng lại không xem xét đến vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy là trái quy định tại khoản 4 Điều 170 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên có ý kiến, quan điểm như sau:

Ngày 08/11/2011 Chi cục THADS huyện Y (bên A) và Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên (bên B) ký Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản số 69/HĐUQ, với nội dung: Bên A ủy quyền cho bên B bán đấu giá lô tài sản kê biên để thi hành án gồm: Quyền sử dụng 01 mảnh đất có diện tích 650m² tại thửa số 04, tờ bản đồ số 14 thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4; công trình phụ; 01 nhà xưởng sản xuất túi ni lon và cây cối trên đất; 01 dây chuyền sản xuất túi ni lon; 1 xe ô tô SUZUKI, BKS 29N-9171. Giá khởi điểm để bán tổng số lô tài sản là 1.489.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng Trung tâm đã thực hiện các quy trình bán đấu giá tài sản đúng trình tự quy định tại Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

Ngày 19/11/2011, Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên đã tổ chức bán đấu giá thành công lô tài sản nói trên với giá 1.489.000.000 đồng. Khách hàng trúng đấu giá là chị Nguyễn Thị M ở thôn Q, xã M, huyện Y đã nộp đủ số tiền trúng đấu giá và đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục THADS huyện Y.

Theo Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản thì Chi cục THADS huyện Y chịu trách nhiệm về tình trạng tài sản bán đấu giá và cam kết giao được tài sản cho người trúng đấu giá, đúng thời hạn pháp luật thi hành án quy định.

Ngày 28/3/2012, Trung tâm nhận được đơn đề nghị của chị M trình bày chưa nhận được tài sản trúng đấu giá và đòi trả lại số tiền đã nộp. Từ tháng 3/2012 đến nay Trung tâm đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị Chi cục THADS huyện Y trả lại tiền cho chị M. Ngày 15/5/2012, Chi cục THADS huyện Y có Công văn số 30/CV- THA trả lời Trung tâm với nội dung: Việc thi hành án đang tiến hành chuẩn bị cưỡng chế giao tài sản thì TAND tỉnh Hưng Yên có Công văn số 52/CV-TA ngày 12/4/2012 yêu cầu tạm dừng thi hành án. Số tiền trúng đấu giá chị M nộp Chi cục THADS huyện Y đã chi trả cho các đối tượng được

thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/TT-BTP ngày 02/12/2011 của Bộ Tư pháp, vì vậy không còn để trả lại cho chị M.

Quan điểm của Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho chị Nguyễn Thị M. Trách nhiệm bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá thuộc về Chi cục THADS huyện Y và Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên không có lỗi trong việc này.

Tòa án nhân dân huyện Y có ý kiến, quan điểm như sau:

Ngày 04/6/2010, TAND huyện Y ra Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 09/2010/QĐST-DS giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N và bị đơn là anh Nguyễn Văn N và đã bị TAND tỉnh Hưng Yên hủy theo trình tự giám đốc thẩm. Ngày 19/12/2012, TAND huyện Y thụ lý lại vụ án số 15/2012/TLST-DS. Quá trình giải quyết lại vụ án, nguyên đơn là chị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bị đơn là anh N rút yêu cầu phản tố nên TAND huyện Y căn cứ điểm e, c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật TTDS ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 08/2013/QĐST-DS ngày 10/7/2013 là đúng quy định của pháp luật. Thời điểm TAND huyện Y ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, Luật thi hành án dân sự năm 2008 đang có hiệu lực và không có quy định phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy. Chi cục THADS huyện Y viện dẫn khoản 4 Điều 170 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 để cho rằng TAND huyện Y có thiếu sót khi ra quyết định đình chỉ vụ án là không có căn cứ pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N có ý kiến, đồng thời là yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 19/12/2011 do Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên thực hiện.

- Buộc Chi cục THADS huyện Y và Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên bồi thường thiệt hại về quyền khai thác sử dụng chiếc xe ô tô SUZUKI BKS 29N- 9171 trong thời hạn 66 tháng là 990.000.000 đồng. Buộc Chi cục THADS huyện Y phải trả lại cho gia đình anh chiếc xe ô tô SUZUKI BKS 29N- 9171 và toàn bộ giấy tờ xe.

- Buộc những người thừa kế tổ tụng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N bồi thường cho gia đình anh 2.817.870.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị T (vợ anh N) có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết:

Hủy hợp đồng ủy quyền số 69/HĐUQ ngày 08/11/2011 giữa Chi cục THADS huyện Y và Trung tâm DVBDG tài sản tỉnh Hưng Yên.

Ngân hàng NN & PTNT huyện Y có ý kiến, quan điểm như sau: Ngày 27/5/2011, Ngân hàng NN & PTNT huyện Y cho anh Nguyễn Văn N vay 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2404-LAV- 201102360, thời hạn trả là 25/5/2012. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy CNQSD đất số AI 017303 ngày 08/10/2009 mang tên anh Nguyễn Văn N và vợ là chị Đỗ Thị T.

Ngày 11/01/2012, Chi cục THADS huyện Y ra Quyết định số 154/QĐ-THA về việc trả tiền cho Ngân hàng NN & PTNT huyện Y đối với khoản vay của anh Nguyễn Văn N. Thực hiện quyết định trên ngày 17/01/2012, Ngân hàng NN & PTNT huyện Y đã tắt toán khoản vay của anh N, xóa đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y và giao lại Giấy CNQSD đất số AI 017303 ngày 08/10/2009 mang tên anh Nguyễn Văn N và vợ là chị Đỗ Thị T cho Chi cục THADS huyện Y quản lý. Quan điểm của Ngân hàng từ chối hoàn trả lại số tiền 301.879.500 đồng do Chi cục THADS huyện Y nộp cho anh N.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N đã chết ngày 01/01/2014 và anh Nguyễn Văn T đã chết ngày 10/7/2014. Do đó, Tòa án đã triệu tập những người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản của anh T và chị N tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phan Thị D là bố mẹ của anh Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ của chị Nguyễn Thị N. Các cháu: Nguyễn Nam T, Nguyễn Thị Phương A và Nguyễn Nam T1 là các con của anh T và chị N. Tất cả những người có tên trên đều trình bày không biết gì về việc vay nợ giữa chị N và anh N. Sau khi anh T, chị N chết tài sản để lại chỉ có ngôi nhà 03 tầng và đồ dùng sinh hoạt cho các con. Ngoài ra không còn để lại tài sản gì khác có giá trị. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 11/8/2017: Các đương sự vẫn giữ nguyên các nội dung, yêu cầu nêu trên. Sau khi kết thúc phần tranh tụng và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh các thiệt hại thực tế xảy ra đối với việc chậm giao tài sản trúng đấu giá cho chị M. Ngày 01/9/2017, chị Nguyễn Thị M và anh Phan Văn V (chồng chị M) có đơn tự nguyện rút yêu cầu về việc đề nghị bồi thường thiệt hại do chậm giao tài sản trúng đấu giá và tự nguyện không yêu cầu Tòa án định giá tài sản đối với lô tài sản mà chị M trúng đấu giá ngày 19/12/2011.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 08/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 13 Điều 26, khoản 2 Điều 37, Điều 68 và khoản 1 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 851, 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 351, 353, 410, 422, 423, 424, 468, 565, 567, 579, 582 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 47, 73 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

Hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 33/HĐMB ngày 19/12/2011 được ký kết giữa Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên và chị Nguyễn Thị M.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M không yêu cầu xem xét, giải quyết về các thiệt hại phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ giao tài sản.

2. Buộc Chi cục THADS huyện Y trả lại chị Nguyễn Thị M 1.489.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền 583.221.416 đồng đang gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hưng Yên theo Hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn số 01/HĐTG ngày 07/5/2013.

Số tiền hoàn trả được xác định cụ thể như sau:

2.1. Buộc Chi cục THADS huyện Y trả lại cho chị M số tiền 583.221.416 đồng gốc và tiền lãi tính đến ngày 07/9/2017 là 216.140.100 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 08/9/2017 đến ngày Cơ quan Thi hành án rút tiền trả cho chị M. Toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên đang gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh B theo Hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn số 01/HĐTG ngày 07/5/2013.

2.2. Buộc Chi cục THADS huyện Y hoàn trả khoản tiền án phí mà anh Nguyễn Văn N phải nộp vào NSNN là 6.550.000 đồng theo quyết định thi hành án số 213/QĐ-THA ngày 01/7/2010 để trả cho chị M.

2.3. Buộc Chi cục THADS huyện Y hoàn trả khoản tiền phí thi hành án mà chị Nguyễn Thị N đã nộp là 16.901.417 đồng theo Quyết định thu phí thi hành án số 04/QĐ-THA ngày 10/01/2012 để trả lại cho chị M.

2.4. Buộc Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện Y trả lại Chi cục THADS huyện Y 301.879.167 đồng để trả lại cho chị M.

Ngân hàng NN&PTNT huyện Y có quyền yêu cầu anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2404-LAV-201102360 ngày 27/5/2011 đã ký giữa các bên hoặc khởi kiện ra Tòa án bằng một vụ án dân sự khác. Chi cục THADS huyện Y trả lại Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn N cho ngân hàng quản lý, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp.

2.5. Buộc các thừa kế của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N là: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phan Thị Điều là bố mẹ của anh Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị Thắm là bố mẹ của chị Nguyễn Thị N; các cháu Nguyễn Nam T, Nguyễn Thị Phương A và Nguyễn Nam T1 là các con của anh T và chị N do cháu Nguyễn Nam T là đại diện hoàn trả cho Chi cục THADS huyện Y số tiền 546.480.000 đồng để trả lại cho chị Nguyễn Thị M. Nghĩa vụ hoàn trả của những người thừa kế được thực hiện trong phạm vi tài sản là di sản và quyền tài sản của chị N và anh T để lại.

Những người thừa kế của chị N và anh T có quyền khởi kiện anh Nguyễn Văn N để đòi lại số tiền chị Nguyễn Thị N khi còn sống cho anh Nguyễn Văn N vay bằng một vụ án dân sự khác.

2.6. Buộc anh Nguyễn Văn N phải trả cho Chi cục THADS huyện Y 33.968.000 đồng chi phí cưỡng chế thi hành án để trả lại cho chị M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ và Cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Chi cục THADS huyện Y phải chịu 56.670.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả chị Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.168.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số Â/2014/0000063 ngày 16/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/9/2017, anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã trình bày trong đơn kháng cáo.

Đại diện Chi cục THADS huyện Y đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, nhưng đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá hoạt động tố tụng tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị T; sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Nguyễn Văn N và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N phải trả lại cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y số tiền chi phí cưỡng chế thi hành án là 33.968.000 đồng để trả lại cho chị Nguyễn Thị M. Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09 ngày 04/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Y với nội dung: Anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị N số tiền 555.000.000 đồng.

- Ngày 27/5/2011, chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Y ký hợp đồng cho anh Nguyễn Văn N vay 300.000.000 đồng trên cơ sở anh N thế chấp nhà trên diện tích 650m² đất tại thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Để thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 09/2010 nêu trên, ngày 19/12/2011 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên (do chi cục Thi hành án dân sự huyện Y ủy quyền) đã bán vật kiến trúc gắn liền với 650m² đất và dây truyền sản xuất túi nilon của anh N cho bà Nguyễn Thị M với giá 1.489.000.000 đồng.

* Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 07 ngày 8/11/2012 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2010 nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Y.

- Ngày 07/10/2013 Tòa án nhân dân huyện Y đã có Quyết định số 08/2013 đình chỉ giải quyết vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N với bị đơn là anh Nguyễn Văn N vì chị N đã được triệu tập hợp lệ 2 lần mà vẫn vắng mặt.

Do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y vi phạm nghĩa vụ giao tài sản trên diện tích 650m² đất của vợ chồng anh N cho chị M nên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá giữa Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên và chị Nguyễn Thị M và buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Y trả lại chị M 1.489.000.000 đồng là đúng.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị T Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh N chỉ Thành yêu cầu bồi thường thiệt hại về quyền khai thác, sử dụng xe ô tô Suzuki BKS: 29N - 9171 trong thời hạn 66 tháng là 990.000.000 đồng và trả lại cho vợ chồng anh N chiếc xe ô tô nêu trên; Đồng thời buộc những

người thừa kế của vợ chồng ông Nguyễn Văn T (chết tháng 7 năm 2014) và bà Nguyễn Thị N (chết tháng 01 năm 2014) bồi thường cho vợ chồng anh N số tiền 2.817.870.000 đồng. Các yêu cầu nêu trên của vợ chồng anh N được Tòa án cấp sơ thẩm tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền để xem xét.

Về số tiền cưỡng chế thi hành án 33.968.000 đồng anh N phải chịu là số tiền chị M bỏ ra để mua đấu giá tài sản nhà đất của anh N. Do anh N có lỗi không chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật nên phải chịu chi phí cưỡng chế Thi hành án. Do đó, số tiền nêu trên anh N phải trả lại cho chị M là đúng. Chị N là chủ nợ không có lỗi nên không phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền cưỡng chế Thi hành án như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị.

Xét khoản tiền án phí 56.670.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y phải chịu thì sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án trong thời hạn kháng cáo thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y không kháng cáo. Tuy nhiên xét đơn đề nghị được miễn số tiền án phí số 333/CCTHADS ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y thấy rằng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y chỉ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nên có căn cứ để sửa lại phần án phí đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị T. Chấp nhận đề nghị của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; sửa bản án sơ thẩm về phần án phí như sau:

Căn cứ khoản 13 Điều 26; khoản 2 Điều 37; Điều 68; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 581; 584; 586; 589 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 351, 353, 410, 422, 423, 424, 468, 565, 567, 579, 582 Bộ luật dân sự 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

+ Hủy Hợp đồng mua bán tài sản (đấu giá) số 33/HĐMB ngày 19/12/2011 giữa Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên và chị Nguyễn Thị M.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M không yêu cầu giải quyết về các thiệt hại phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ giao tài sản.

2 - Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y trả lại cho chị Nguyễn Thị M 1.489.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu đồng) và tiền lãi phát

sinh của số tiền 583.221.416 đồng đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hưng Yên theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/HĐTG ngày 07/5/2013.

Số tiền hoàn trả được xác định gồm các khoản cụ thể như sau:

2.1 Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y trả chị M 583.221.416 đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/9/2017 là 216.140.100 đồng (theo Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07 ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên) và các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 08/9/2017 đến ngày Cơ quan Thi hành án rút tiền trả chị M. Toàn bộ gốc lãi nêu trên đang gửi tại ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hưng Yên theo Hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn số 01/HĐTG ngày 07/5/2013.

2.2. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y hoàn trả khoản tiền án phí mà anh Nguyễn Văn N phải nộp vào Ngân sách Nhà nước là 6.550.000 đồng theo Quyết định Thi hành án số 213 ngày 01/7/2010 để trả cho chị M.

2.3. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y hoàn trả khoản tiền phí thi hành án mà chị Nguyễn Thị N đã nộp là 16.901.417 đồng theo Quyết định thu phí thi hành án số 04 ngày 10/01/2012 để trả lại cho chị M.

2.4. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Y trả lại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y 301.879.167 đồng để trả lại cho chị M.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Y có quyền yêu cầu anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị T trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2404-LAV-201102360 ngày 27/5/2011 đã ký giữa các bên hoặc có quyền khởi kiện ra Tòa án bằng một vụ án dân sự khác. Chi cục THADS huyện Y trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Văn N cho Ngân hàng quản lý để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp.

2.5. Buộc các thừa kế của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N là: Ông Nguyễn Văn T1 bà Phan Thị Diên (bố mẹ anh T) ông Nguyễn Văn N bà Phan Thị Thắm (bố mẹ chị N) các cháu Nguyễn Nam T, Nguyễn Thị Phương A và Nguyễn Nam T1 (các con anh T, chị N) do cháu Nguyễn Nam T là đại diện hoàn trả Chi cục THADS huyện Y số tiền 546.480.000đ (Năm trăm bốn sáu triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) để hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị M.

Nghĩa vụ hoàn trả của những người thừa kế được thực hiện trong phạm vi tài sản là di sản và quyền tài sản của chị N, anh T để lại.

Những người thừa kế của chị N, anh T có quyền khởi kiện anh Nguyễn Văn N để đòi lại số tiền chị N cho anh N vay bằng một vụ án dân sự khác.

2.6 Buộc anh Nguyễn Văn N phải trả chi cục THADS huyện Y 33.968.000đ (Ba mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) chi phí cưỡng chế thi hành án để trả lại cho chị Nguyễn Thị M.

3 - Về án phí:

- Chi cục THADS huyện Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả chị Nguyễn Thị M 14.168.000 đồng theo Biên lai số AA/2014/0000063 ngày 16/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2014/0000089 ngày 24/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2014/0000090 ngày 24/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

4 - Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục T.H.A dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đ- ong sự (theo địa chỉ);
- Người liên quan (theo đ/c);
- L- u HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Mạnh Hùng

